

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+PVD8	7:25	21+0	0+0		7+9	0+0	
2		PPD+TD2+SAVR	7:25	17+3+2	0+0+0		17+0+3	0+0+0	
3		HST+AMD	9:25	6+14	0+0		4+17	0+0	
4		AMD+P4+TD5	9:25	16+3+3	0+0+0		8+0+13	0+0+0	
5		TGTH1+AMD	9:25	5+12	0+0		1+9	0+0	puma
6		T.UNG	12:25	17	0		17	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P2 - PVD8	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3867	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG CONG DUC	P2	74	1	9			63	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAO	P2	75	1	13			75	KHI	Vietnamese
3	ĐINH VAN CUONG	P2	76	1	9			67	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC PHUC	P2	73	1	9			59	KHI	Vietnamese
5	ĐINH TUNG LAM	P2	83-84	2	11			73	T-TIN	Vietnamese
6	KOMARITSKIKH K.	P2	80	1	10			101	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VĂN CHANH	P2	100	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LÊ	P2	93	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUNG	P2	94-95	2	16			56	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN GIANG	P2	91-92	2	19			75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG TUAN	P2	78	1	16	1	11	70	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐÌNH	P2	89-90	2	15			76	CODIEN	Vietnamese
13	TRỊNH VĂN THUY	P2	79	1	6			68	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ NGUYEN	P2	97	1	12			78	NIPI	Vietnamese
15	LƯƠNG THÈ HIEN	P2	96	1	10			67	NIPI	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN LONG	P2	85-87	3	8			54	T-TIN	Vietnamese
17	NGO MINH TUAN	P2	88	1	5			65	T-TIN	Vietnamese
18	LÊ TRẦN MINH KHANH	P2	82	1	7			60	PSV	Vietnamese
19	LÊ NHỎ CANG	P2	99	1	8			69	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN NGUYEN	P2	81	1	5			67	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	P2	98	1	8			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	21	1.429	27	214	1	11	7		
2	PVD8	0	0	0	0	1	3	9		
TOTAL		21	1.429	27	214	2	14	16		
WEIGHT KG			1.429		214		14			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - TD2 - SAVR	CREW: QVIỆT - N.ANH - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3868	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	73	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN VINH	PPD	72	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ SY KHOA	PPD						73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THĂNG	PPD	76	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PPD	69-70	2	9			54	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC CỬ	PPD	68	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	66	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	67	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD						64	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH BÁ NINH	PPD	75	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUANG HUY	PPD						65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	71	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ANH TUẤN	PPD	79-80	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	77	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HIỀN	PPD	74	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG HỮU VINH QUY	PPD	81	1	12			76	CODIEN	Vietnamese
17	VÕ TIẾN PHỤNG	PPD	78	1	11			73	CODIEN	Vietnamese
18	PARSHENTSEV	TD2	86,88	2	11			86	KH-THAC	Russian
19	TRẦN ĐỨC HIỆP	TD2	84-85	2	11	3	16	63	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	TD2	82-83	2	17			70	CODIEN	Vietnamese
21	KULIK VIACHESLAV	SAVR	57	1	10			73	AMNGR	Russian
22	USMANOV ALFRED	SAVR	58	1	15			116	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	17	1.142	16	95	0	0	17		
2	TD2	3	219	6	39	3	16	0		
3	SAVR	2	189	2	25	0	0	3		
TOTAL		22	1.550	24	159	3	16	20		
WEIGHT KG			1.550		159		16			

GRAND TOTAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

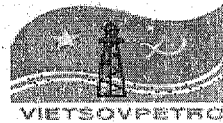
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:HST - AMD	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3870	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN BA QUAN	HST	30-31	2	9			82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NGOC THU	HST						73	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN THANH MAI	HST	32	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN PHANG	HST	28-29	2	7			63	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TRUNG HIÊU	HST	27	1	6	2	35	77	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN QUOC	HST	26	1	6			64	PSV	Vietnamese
7	TRAN NAM TRUNG	AMD	09-11	3	12			73	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TAN	AMD	68	1	7			75	TLJOC	Vietnamese
9	TRUONG XUAN CHI	AMD	08	1	6			70	TLJOC	Vietnamese
10	THAN CANH THINH	AMD	66-67	2	15			74	TLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN LE HONG VU	AMD	01	1	6			60	TLJOC	Vietnamese
12	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	65	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THUY	AMD	43	1	9	2	20	75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC PHUC	AMD	64	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG LONG	AMD	69	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRAN VIEN	AMD	06-07	2	11	1	20	72	ESTEC	Vietnamese
17	DANG QUOC HUNG	AMD	04-05	2	11			52	ESTEC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGUYEN	AMD	03-04	2	11			85	ESTEC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC ANH	AMD	42	1	11			58	NAM LONG	Vietnamese
20	VÔ DUONG THANH PHAT	AMD	41	1	9			65	NAM LONG	Vietnamese
21	DUONG VAN TOAN	AMD	26	1	9			77	NAM LONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	6	421	7	34	2	35	4		
2	AMD	15	1.050	21	132	3	40	17		
TOTAL		21	1.471	28	166	5	75	21		
WEIGHT KG			1.471		166		75			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

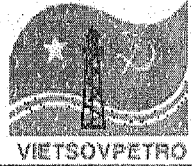
CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:AMD - P4 - TD5	CREW: VIỆT - N.ANH - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3871	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	AMD	05	1	8			69	NAM LONG	Vietnamese
2	LÊ NGỌC THĂNG	AMD	06	1	8			65	NAM LONG	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TRI	AMD	20	1	5	2	25	64	NAM LONG	Vietnamese
4	LÊ XUÂN ĐÔNG	AMD	03	1	6	3	50	61	NAM LONG	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	AMD	01-02	2	11			60	NAM LONG	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CÔNG	AMD	07	1	6			80	NAM LONG	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG ĐỨC	AMD	04	1	11			57	NAM LONG	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NHỰT TAM	AMD	14	1	14			99	NAM LONG	Vietnamese
9	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	23	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	18-19	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	21-22	2	15			80	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI BA HÙNG	AMD	12-13	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	15-17	3	19			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THƯỢNG	AMD	10-11	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIỀN DŨNG	AMD	08-09	2	19			84	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ANH TUAN	P4	10	1	3	1	13	74	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TUAN ANH	P4						70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CẢNH TÂN	P4	09	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN QUYẾT	TD5	79	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	81	1	7			93	KHOAN	Vietnamese
21	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	80	1	10			86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	15	1.055	23	172	5	75	6		
2	P4	3	211	2	8	1	13	0		
3	TD5	3	257	3	28	0	0	15		
TOTAL		21	1.523	28	208	6	88	21		
WEIGHT KG			1.523		208		88			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 09:30
B.CARD: XANH-2	TO: TGTH1 - AMD	CREW: CÔNG - NKHÁNH	ETA: 11:30
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3873	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	72	1	12			70	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH1	73	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUONG	TGTH1	70-71	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG DUY	TGTH1	54-55	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGỌC CẢNH	TGTH1	52-53	2	15			82	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	48-49	2	19	1	18	78	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI QUANG HẠNH	AMD	95	1	6			58	CODIEN	Vietnamese
8	NÔNG MINH HAI	AMD	52	1	12			74	CODIEN	Vietnamese
9	ĐINH MAI THIÊN	AMD	50-51	2	14	1	12	73	CODIEN	Vietnamese
10	BUI VIỆT HẠNH	AMD	47	1	8			44	CODIEN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TUẤN	AMD	96-97	2	11			65	CODIEN	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN NHIỀU	AMD	47	1	11			76	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	AMD	98	1	17	1	14	86	XAYLAP	Vietnamese
14	NGÔ ĐÌNH NGUYỆT	AMD	54	1	11			52	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	AMD	53	1	5			56	PSV	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	55-56	2	12			73	PSV	Vietnamese
17	PHAN VĂN TRỌNG	AMD	57	1	5			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	5	349	8	65	0	0	1		
2	AMD	12	794	16	131	3	44	11		
TOTAL		17	1.143	24	196	3	44	12		
WEIGHT KG			1.143		196		44			

GRAND TOAL: 1.383 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

CAO VĂN CÔNG
NGUYỄN VĂN KHÁNH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG	CREW: HOÀI - VƯƠNG	ETA: 15:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3874	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZELENSKII A	T.UNG	25	1	7	4	70	86	KH-THAC	Russian
2	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG						73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	20	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	27	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HIẾN THANH	T.UNG	28	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THI	T.UNG						67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	26	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN QUANG HOA	T.UNG						73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	T.UNG	32	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HÙNG DUNG	T.UNG	34	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TUAN AN	T.UNG	33	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGÔ HOAN	T.UNG	29	1	4			61	YTE	Vietnamese
13	BUI VĂN CHINH	T.UNG	31	1	10			75	MERMAID	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUY	T.UNG	30	1	10	2	26	78	MERMAID	Vietnamese
15	LÊ KHÁC BAO	T.UNG	21	1	7			64	PSV	Vietnamese
16	PHAN VĂN HỒNG	T.UNG	19	1	6			73	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	22	1	8			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.215	14	87	6	96	17		
	TOTAL	17	1.215	14	87	6	96	17		
	WEIGHT KG		1.215		87		96			

GRAND TOAL: 1.398 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI
TRẦN HÙNG VƯƠNG